

DEVELOPING HOUSEHOLD ECONOMIES AMONG ETHNIC MINORITY COMMUNITIES TOWARD A GREEN ECONOMY IN THE NORTHWEST REGION: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Nguyen Van Dung¹

Tran Thi Thuy² Nguyen Ngoc Minh³

^{1,2}Thanh Do University; ³Post - graduate student at Foreign Trade University

Email: nguyenvandung2308@gmail.com¹; ttthuy@thanhdo.uni.edu.vn²;

nguyennngocminh2607@gmail.com³

Received: 19/5/2026; Reviewed: 25/5/2026; Revised: 01/6/2026; Accepted: 25/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i2.374>

Abstract: *Developing household economies among ethnic minority communities toward a green economy is an important requirement for increasing income, promoting sustainable poverty reduction, and protecting the environment in the Northwest region. This article employs methods of document analysis, synthesis, comparison and an interdisciplinary approach to clarify the theoretical basis and assess the current situation of household economic development toward a green economy in three provinces: Son La, Dien Bien and Lai Chau. The research results show that many green economic models have initially proved effective, typically including organic agriculture, ecological agriculture, the cultivation of medicinal plants under forest canopies, forest protection contracts linked with livelihoods, community-based tourism, and ecotourism associated with the preservation of ethnic cultural values. These models have contributed to livelihood diversification, job creation, income improvement and better environmental quality. However, the development process still faces many difficulties, such as small-scale and fragmented production, limited management capacity, lack of capital, weak value chain linkages, and low capacity for applying science and technology, as well as accessing markets. On that basis, the article proposes solutions related to transforming green production models, developing sustainable forestry, promoting green tourism, improving support policies and enhancing the quality of human resources in order to foster household economic development in a green, sustainable manner that adapts to new development requirements.*

Keywords: *Ethnic minority communities; Household economy; Green economy; Sustainable development; Northwest region.*

1. Đặt vấn đề

Vùng Tây Bắc có điều kiện tự nhiên thuận lợi với hệ sinh thái đa dạng, diện tích rừng lớn, đất đai phù hợp cho phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ và lâm nghiệp bền vững. Đây cũng là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc thiểu số (DTTS) với những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, tạo tiềm năng lớn cho phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng theo hướng xanh, có trách nhiệm. Mặc dù sở hữu nhiều lợi thế về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, nhưng Tây Bắc vẫn là một trong những vùng còn nhiều khó khăn của cả nước, với tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo trong đồng bào DTTS còn ở mức cao.

Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, việc tìm kiếm các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình (KTHGD) phù hợp, gắn với bảo vệ môi trường và phát huy giá trị văn hóa bản địa có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung nghiên cứu phát triển KTHGD của đồng bào DTTS theo hướng kinh tế xanh tại ba tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu nhằm đánh giá thực trạng, nhận diện tiềm năng, những hạn chế và thách thức đặt ra, từ đó đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển KTHGD theo hướng xanh, góp phần giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu về KTHGD vùng DTTS đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả và tổ chức trong nước, quốc tế. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung làm rõ vai trò của KTHGD đối với giảm nghèo, phát triển sinh kế và phát triển kinh tế nông thôn. Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2019) cho rằng sinh kế của đồng bào DTTS ở Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào nông nghiệp quy mô nhỏ, năng suất thấp và dễ bị tổn thương trước các tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu và biến động thị trường. Tương tự, Tổng cục Thống kê (2023) cho thấy tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS vẫn cao hơn đáng kể so với mức trung bình cả nước. Đối với vùng Tây Bắc, Nguyễn Văn Thắng (2018) chỉ ra rằng KTHGD mang đặc trưng nông – lâm kết hợp, phụ thuộc nhiều vào tài nguyên đất đai và rừng, trong khi khả năng tiếp cận thị trường, vốn và khoa học công nghệ còn hạn chế. Những nghiên cứu này đã góp phần làm rõ đặc điểm, vai trò và những khó khăn của KTHGD vùng DTTS, song chủ yếu tiếp cận dưới góc độ giảm nghèo và phát triển kinh tế truyền thống.

Bên cạnh đó, nghiên cứu về sinh kế bền vững và kinh tế xanh ngày càng được quan tâm trong bối cảnh phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Khung sinh kế bền vững của Department for International Development (1999) nhấn mạnh vai trò của các nguồn vốn sinh kế gồm vốn tự nhiên, vốn con người, vốn tài chính, vốn xã hội và vốn vật chất trong nâng cao năng lực thích ứng và phát triển của hộ gia đình. Ellis (2000) cho rằng đa dạng hóa sinh kế là giải pháp quan trọng giúp hộ gia đình giảm thiểu rủi ro và nâng cao thu nhập. Ở góc độ rộng hơn, Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (United Nations Environment Programme, 2011) khẳng định kinh tế xanh là mô hình phát triển hướng tới tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và bảo đảm công bằng xã hội.

Tại Việt Nam, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định tăng trưởng xanh là phương thức quan trọng để thực hiện phát triển bền vững, thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính. Tiếp đó,

Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030 nhấn mạnh các nhiệm vụ phát triển việc làm xanh, sinh kế xanh, nâng cao năng lực cộng đồng và thúc đẩy chuyển đổi xanh trong các ngành, lĩnh vực kinh tế.

Liên quan đến vùng DTTS, một số nghiên cứu gần đây đã đề cập đến các mô hình sinh kế xanh như phát triển nông nghiệp hữu cơ, quản lý rừng bền vững, du lịch cộng đồng và bảo tồn văn hóa gắn với phát triển kinh tế. Nguyễn Thị Lan (2021) cho rằng sự kết hợp giữa bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các mô hình kinh tế xanh có thể tạo động lực mới cho phát triển bền vững ở vùng DTTS. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có chủ yếu tập trung vào từng lĩnh vực riêng lẻ hoặc từng mô hình sinh kế cụ thể, chưa xem xét một cách tổng thể quá trình chuyển đổi KTHGD theo hướng kinh tế xanh.

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu có thể nhận thấy: (1) Nghiên cứu về KTHGD vùng DTTS tương đối phong phú nhưng chủ yếu tiếp cận từ góc độ giảm nghèo và sinh kế truyền thống; (2) Nghiên cứu về kinh tế xanh đã hình thành cơ sở lý luận tương đối đầy đủ, nhưng việc vận dụng vào cấp độ hộ gia đình ở vùng DTTS còn hạn chế; (3) Đối với vùng Tây Bắc, chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá một cách hệ thống thực trạng phát triển KTHGD theo hướng kinh tế xanh gắn với các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết tập trung làm rõ thông qua việc phân tích thực trạng tại ba tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu, từ đó đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển KTHGD của đồng bào DTTS theo hướng xanh và bền vững.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện trên cơ sở vận dụng quan điểm phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Nghiên cứu sử dụng chủ yếu nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập từ niên giám thống kê, báo cáo kinh tế - xã hội, báo cáo giảm nghèo, các nghị quyết, đề án, chương trình phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch của ba tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2024. Trên cơ sở đó, tác giả sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh và hệ

thống hóa tài liệu nhằm làm rõ thực trạng phát triển KTHGD của đồng bào DTTS theo hướng kinh tế xanh.

Bên cạnh đó, nghiên cứu vận dụng cách tiếp cận liên ngành giữa kinh tế học, xã hội học, môi trường học và phát triển bền vững để phân tích mối quan hệ giữa phát triển KTHGD với sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo tồn văn hóa dân tộc và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để nhận diện tiềm năng, những hạn chế và đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển KTHGD của đồng bào DTTS theo hướng xanh và bền vững ở vùng Tây Bắc.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Những vấn đề chung về phát triển kinh tế hộ gia đình và kinh tế xanh

KTHGD là hình thức tổ chức kinh tế dựa trên hộ gia đình, sử dụng chủ yếu lao động gia đình, có tính linh hoạt cao và phù hợp với điều kiện sản xuất nhỏ. Theo cách tiếp cận khoa học, KTHGD được hiểu là hình thức tổ chức kinh tế do một hộ gia đình làm chủ, sử dụng các nguồn lực thuộc sở hữu hoặc quyền sử dụng của hộ (lao động, vốn, đất đai, tư liệu sản xuất) để tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống và tạo thu nhập, đồng thời tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động (Quốc hội, 2015; World Bank, 2016).

Theo United Nations Environment Programme (UNEP, 2011), kinh tế xanh là nền kinh tế: Sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính, bảo tồn đa dạng sinh học và đảm bảo công bằng xã hội. Kinh tế xanh là một trong những định hướng phát triển quan trọng của thế giới trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và yêu cầu phát triển bền vững.

Ở Việt Nam, khái niệm kinh tế xanh được cụ thể hóa thông qua các chiến lược phát triển quốc gia, đặc biệt là Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050, trong đó nhấn mạnh việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Trong lĩnh vực nông nghiệp, kinh tế xanh được cụ thể hóa thông qua các mô hình như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn. FAO (2020) cho rằng việc chuyển đổi sang các mô

hình sản xuất nông nghiệp bền vững là điều kiện tiên quyết để đảm bảo an ninh lương thực và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, việc áp dụng các mô hình này ở vùng DTTS còn gặp nhiều khó khăn do hạn chế về nguồn lực, kỹ thuật và nhận thức.

Vậy, KTHGD theo hướng kinh tế xanh là mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của hộ gia đình trong đó các hoạt động kinh tế được thực hiện theo nguyên tắc sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, tăng cường tái tạo nguồn lực tự nhiên, đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh tế và cải thiện phúc lợi xã hội.

4.2. Vai trò của kinh tế xanh trong chuyển đổi sinh kế và phát triển kinh tế hộ gia đình của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc

Trong bối cảnh phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu đang trở thành yêu cầu cấp thiết, kinh tế xanh được xác định là một trong những định hướng quan trọng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đối với vùng Tây Bắc, nơi phần lớn đồng bào DTTS sinh sống dựa vào nông nghiệp, lâm nghiệp và các nguồn tài nguyên tự nhiên, phát triển kinh tế xanh không chỉ là yêu cầu khách quan mà còn là động lực quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển đổi sinh kế và phát triển KTHGD theo hướng bền vững.

Thứ nhất, kinh tế xanh tạo điều kiện chuyển đổi phương thức sản xuất từ khai thác tài nguyên theo chiều rộng sang sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có, góp phần nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất. Thông qua các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông - lâm kết hợp, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng, chăn nuôi an toàn sinh học và bảo vệ rừng gắn với sinh kế, các hộ gia đình có thể khai thác hợp lý tài nguyên đất, nước và rừng, đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường. Đây là cơ sở quan trọng để duy trì sinh kế ổn định và phát triển KTHGD theo hướng bền vững.

Thứ hai, kinh tế xanh góp phần đa dạng hóa sinh kế và mở rộng cơ hội tạo việc làm cho đồng bào DTTS. Bên cạnh các hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống, nhiều hộ gia đình đã từng bước tham gia vào các lĩnh vực có giá trị gia

tăng cao như sản xuất nông sản sạch, phát triển dược liệu, chế biến sản phẩm đặc sản địa phương, du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái. Quá trình chuyển đổi này không chỉ góp phần giảm phụ thuộc vào khai thác tài nguyên tự nhiên mà còn tạo thêm nguồn thu nhập, nâng cao khả năng chống chịu của hộ gia đình trước những biến động của thị trường và tác động của biến đổi khí hậu.

Thứ ba, kinh tế xanh góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và tăng khả năng tiếp cận thị trường. Trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm xanh, sản phẩm hữu cơ và sản phẩm thân thiện với môi trường ngày càng gia tăng, việc phát triển các sản phẩm đặc trưng của vùng Tây Bắc theo hướng xanh sẽ tạo lợi thế cạnh tranh, nâng cao giá trị hàng hóa và cải thiện thu nhập cho người dân. Đồng thời, việc tham gia các chuỗi giá trị xanh còn tạo cơ hội để các hộ gia đình tiếp cận khoa học công nghệ, nâng cao kỹ năng sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Thứ tư, kinh tế xanh có vai trò quan trọng trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS. Nhiều mô hình du lịch cộng đồng ở Tây Bắc đã khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa bản địa, nghề thủ công truyền thống, lễ hội dân gian và tri thức bản địa để phát triển sinh kế. Điều này không chỉ tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân mà còn góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và phát huy nguồn lực văn hóa phục vụ phát triển kinh tế.

Bên cạnh đó, phát triển kinh tế xanh còn góp phần nâng cao khả năng thích ứng và chống chịu của hộ gia đình trước những rủi ro về môi trường

và biến đổi khí hậu. Việc áp dụng các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải giúp giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của hộ gia đình trước thiên tai, dịch bệnh và những biến động về kinh tế - xã hội. Đây là yếu tố có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với vùng Tây Bắc, nơi thường xuyên chịu tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan và biến đổi khí hậu.

Như vậy, kinh tế xanh không chỉ tạo động lực thúc đẩy chuyển đổi sinh kế mà còn góp phần nâng cao hiệu quả phát triển KTHGD của đồng bào DTTS vùng Tây Bắc. Việc phát triển các mô hình sinh kế xanh, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và tăng cường khả năng thích ứng trước các thách thức môi trường sẽ là nền tảng quan trọng để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc trong giai đoạn hiện nay.

4.3. Thực trạng kinh tế hộ gia đình của đồng bào dân tộc thiểu số hướng đến kinh tế xanh, ở vùng Tây Bắc

4.3.1. Nhận diện kinh tế hộ gia đình của đồng bào dân tộc thiểu số hướng đến kinh tế xanh, ở vùng Tây Bắc

- Phát triển kinh tế hộ gia đình với sản xuất nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ

Trong những năm qua các địa phương vùng Tây Bắc rất quan tâm phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, thông minh, sạch với nhiều mô hình đa dạng; doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ gia đình đã hình thành nên nhiều vùng chuyên canh lớn, cụ thể:

Bảng 1: Các mô hình tiêu biểu nông nghiệp xanh, hữu cơ, thông minh, sạch

Nội dung	Sơn La	Điện Biên	Lai Châu
Nông nghiệp xanh, sạch	2.230 ha VietGAP/GlobalGAP; 19.270 ha cà phê 4C, UTZ; 4.300 ha tưới tiết kiệm; 58 ha nhà kính/luối; 886 HTX, 30% ứng dụng CNC	850 ha lúa gạo QR; 20 ha rau an toàn công nghệ cao; 68 sản phẩm OCOP (4 sao: 4 SP); 23 chuỗi cung ứng ATTP	3.500 ha lúa hàng hóa tưới chủ động; hạ tầng thủy lợi, kênh mương kiên cố; 945 ha cây ăn quả
Nông nghiệp hữu cơ	Mô hình hữu cơ: dâu tây, chè Shan, cà phê; bảo hộ chỉ dẫn địa lý xoài, chè Shan tuyết	1.400 ha cà phê Arabica hữu cơ (Mường Ảng); 80 ha dược liệu dưới tán rừng; 12 HTX chăn nuôi hữu cơ tuần hoàn	Giai đoạn từ năm 2021-2025 phát triển 4.000 ha mắc ca; >3.000 ha chè hướng sạch; 12.000 ha quy trình sản xuất bền vững
Nông nghiệp	Khu nông nghiệp công nghệ cao Mộc Châu (QĐ 1676/QĐ-TTg)	QR truy xuất vùng lúa; số hóa vùng cà phê hữu	821 tỷ đồng đầu tư hạ tầng nông nghiệp công

Nội dung	Sơn La	Điện Biên	Lai Châu
thông minh	2023); 5 vùng nông nghiệp công nghệ cao (chè, bò sữa, cà phê, na); dự án “Nông nghiệp thông minh 2024-2025”	cơ; HTX áp dụng IoT, tưới nhỏ giọt	nghe cao; Thu hút doanh nghiệp công nghệ vào sản xuất

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo của Tỉnh ủy Sơn La, năm 2024; Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên các năm 2021, 2022, 2023, 2024; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy Lai Châu các năm 2021, 2024; Niên giám thống kê các năm 2022, 2023, 2024 của Cục Thống kê các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Lai Châu

Số liệu trên cho thấy, thành tựu nổi bật nhất của 3 tỉnh (Điện Biên, Sơn La, Lai Châu) là trong thời gian ngắn tạo ra sự phát triển vượt bậc trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, xanh, thông minh, sạch. Đây là điểm sáng sản xuất nông nghiệp hướng đến nền kinh tế xanh của các tỉnh miền núi phía Bắc. Thành quả này giúp cho người dân tiếp cận với khoa học kỹ thuật tiên tiến trong canh tác sản xuất nông nghiệp; đồng thời gián tiếp và trực tiếp tăng thu nhập cho KTHGD góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững cho đồng bào DTTS Tây Bắc.

Bên cạnh các kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế như: Ứng dụng nông nghiệp thông minh quy mô còn nhỏ, chưa đồng đều; liên kết chuỗi giá trị chưa bền vững, đặc biệt với nông sản đặc sản vùng cao; hạ tầng chế biến, kho lạnh, logistics chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng hóa lớn; nguồn nhân lực số, quản trị hợp tác xã còn hạn chế; một bộ phận hộ gia đình đồng bào DTTS trình độ canh tác sản xuất nông nghiệp hữu cơ, xanh, sạch còn nhiều hạn chế, năng lực quản lý kinh tế hộ chưa tốt, khát vọng vươn lên làm giàu chưa mạnh mẽ, phụ thuộc vào hỗ trợ Nhà nước.

- Phát triển kinh tế hộ gia đình với việc bảo vệ rừng tự nhiên và trồng rừng đảm bảo môi trường sinh thái

Các địa phương thực hiện việc giao khoán bảo vệ rừng giúp tạo sinh kế, có thu nhập cho người dân:

Tại tỉnh Sơn La “Diện tích đất có rừng trên địa bàn tỉnh là 669.797 ha, tỷ lệ độ che phủ là 47,5%, trong đó: Rừng tự nhiên 593.268,8 ha; rừng trồng 76.528,2 ha (bao gồm 38.155 ha diện

tích cây ăn quả thân gỗ trồng trên đất dốc; cây phân tán quy đổi diện tích: 5.947 ha); diện tích rừng trồng được chăm sóc 8.905 ha. Diện tích khoanh nuôi tái sinh rừng là 20.032 ha. Diện tích rừng đã giao cho hộ gia đình, cá nhân và 400 cộng đồng bản được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp với diện tích 560.000 ha rừng. Tính từ năm 2021 đến năm 2024 số tiền chi trả cho dịch vụ môi trường rừng là trên 800,000 triệu đồng,” (Tỉnh ủy Sơn La, 2024). Ở tỉnh Lai Châu “Diện tích rừng tự nhiên 450.392 ha; rừng trồng 8.306 ha; rừng phòng hộ 255.944 ha; tỉnh có chủ trương khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân tham gia phát triển được liệu dưới tán rừng, trồng tập trung 35 ha sâm Lai Châu; duy trì canh tác ổn định 6.460 ha thảo quả, 2.240 ha sa nhân tím, nâng diện tích cây dược liệu lên trên 11.000 ha... Mục tiêu của tỉnh đến năm 2030, trồng tập trung 3.000 ha sâm Lai Châu. Diện tích rừng giao khoán cho cộng đồng, người dân quản lý là 451.483 ha với trên 82.000 hộ dân được hưởng tiền dịch vụ môi trường rừng, tính từ 2021 đến 2024 số tiền chi trả cho dịch vụ môi trường rừng là 1.833,645 triệu đồng” (Tỉnh ủy Lai Châu, 2024). Tại tỉnh Điện Biên: “Diện tích rừng có chứng chỉ FSC 6.100 ha; diện tích rừng được giao khoán bảo vệ cho cộng đồng 135.000 ha; số mô hình sinh kế gắn rừng (hợp tác xã, tổ nhóm...) là 70 mô hình. Tính từ năm 2021 đến năm 2024, số tiền chi trả cho dịch vụ môi trường rừng là trên 818,5 triệu đồng”.

Một số mô hình tiêu biểu phát triển lâm nghiệp xanh của tỉnh cụ thể như sau:

Bảng 2: Các mô hình tiêu biểu phát triển lâm nghiệp xanh, có trách nhiệm của tỉnh Điện Biên, Sơn La, Lai Châu

Tỉnh	Địa bàn	Tên mô hình	Điểm nổi bật
	Nậm Pồ	Giao rừng cho cộng đồng bản Nà Khoa	Bảo tồn rừng nguyên sinh, gắn với cây dược liệu

KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

Tỉnh	Địa bàn	Tên mô hình	Điểm nổi bật
Điện Biên	Mường Nhé	Trồng rừng gỗ lớn kết hợp nuôi ong rừng	Tổ hợp tác dân tộc Hà Nhì quản lý
	Mường Chà	Mô hình trồng keo, lát gắn với FSC-chứng chỉ bền vững	Gắn chuỗi tiêu thụ, doanh nghiệp thu mua dài hạn
	Tủa Chùa	Phát triển rừng - văn hóa tâm linh người Dao	Gắn bảo vệ rừng thiêng, du lịch sinh thái
	Điện Biên Đông	Rừng sinh kế gắn với canh tác không phá rừng	Đồng quản lý giữa dân và kiểm lâm địa bàn
Sơn La	Mộc Châu	Trồng rừng thông và phát triển du lịch sinh thái	Kết hợp bảo vệ cảnh quan, tạo sinh kế cộng đồng
	Thuận Châu	Khoanh nuôi tái sinh rừng đầu nguồn	Giảm xói mòn đất, bảo vệ nguồn nước
	Quỳnh Nhai	Mô hình lâm sản ngoài gỗ gắn với dược liệu	Phát triển sa nhân, thảo quả dưới tán rừng
Lai Châu	Sìn Hồ	Trồng quế kết hợp bảo vệ rừng tự nhiên	Nâng cao thu nhập cho đồng bào Mông, Dao
	Tam Đường	Mô hình chè cổ thụ gắn với bảo tồn rừng	Phát triển sản phẩm OCOP, du lịch trải nghiệm
	Mường Tè	Giao khoán bảo vệ rừng cộng đồng	Tăng độ che phủ rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo Tỉnh ủy Sơn La, năm 2024; Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên các năm 2021, 2022, 2023 và năm 2024; Tỉnh ủy Lai Châu, năm 2021, 2024; Niên giám thống kê 2022, 2023, 2024 của Cục Thống kê các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Lai Châu

Cùng với việc bảo vệ rừng tự nhiên và trồng rừng, nhiều hộ gia đình thực hiện mô hình “Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng” đem lại hiệu quả của “Mô hình tạo sinh kế, tăng thu nhập cho KTHGD, bảo vệ tài nguyên rừng, môi trường sinh thái” cho các tỉnh có thể mạnh như Lai Châu, Sơn La, Điện Biên. Nhà nước cần có chính sách phù hợp để đem lại lợi ích kép: tạo sinh kế, việc làm và tăng thu nhập, khuyến khích người dân tích cực tham gia bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng.

- *Phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng du lịch xanh, du lịch thông minh, du lịch trách*

nhiệm
Tây Bắc có rừng xanh bát ngàn, có nhiều đồng bào DTTS sinh sống, mỗi dân tộc có nét văn hóa riêng, hình thành nên nền văn hóa giàu bản sắc. Đây cũng là nơi có nhiều di tích lịch sử nổi tiếng như Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên Phủ, Nhà tù Sơn La... gắn liền với lịch sử huy hoàng của cách mạng Việt Nam. Đây là lợi thế, tiềm năng rất lớn cho phát triển du lịch lịch sử, văn hóa, du lịch trải nghiệm và du lịch sinh thái (rừng, núi và sông Đà), với các mô hình tiêu biểu như:

Bảng 3: Các mô hình tiêu biểu du lịch xanh, thông minh, có trách nhiệm

Tỉnh	Địa bàn tiêu biểu	Điểm/Mô hình du lịch	Loại hình du lịch chính	Đặc điểm nổi bật
Sơn La	TP. Sơn La, Mộc Châu, Quỳnh Nhai, Bắc Yên, Sông Mã	- Nhà tù Sơn La (du lịch thông minh, bảo tàng số) - Không gian văn hóa Thái bản Áng - Trekking Tà Xùa – A Phòng - Di tích Pá Uôn – lòng hồ; du lịch lòng hồ Quỳnh Nhai. - Bản văn hóa Mường Chiềng - Mộc Châu “điểm đến thiên nhiên	Thông minh – xanh – cộng đồng – lịch sử	- Ứng dụng công nghệ (VR, thuyết minh số) - Bảo tồn văn hóa bản địa (Thái, Mông) - Lòng hồ sông Đà gắn bảo tồn sinh thái

Tỉnh	Địa bàn tiêu biểu	Điểm/Mô hình du lịch	Loại hình du lịch chính	Đặc điểm nổi bật
		hàng đầu Châu Á 2024”		
Điện Biên	Điện Biên Phủ, Mường Ảng, Tủa Chùa, Mường Chà	- Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ (3D/AR) - Bản Noong Nhai (cộng đồng Thái) - Động Pa Thơm (sinh thái) - Di tích Đồi A1 (lịch sử) - Huổi Me (người Mông)	Lịch sử – cộng đồng – xanh – thông minh	- Di tích quốc gia đặc biệt, điểm đến của nhiều du khách trong nước, quốc tế. - Thực tế ảo, mô phỏng trận đánh - Du lịch cộng đồng gắn văn hóa
Lai Châu	Tân Phong, Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tân Uyên, Than Uyên	- Sin Suối Hồ (homestay xanh – tiêu biểu quốc gia) - Sì Thâu Chải (dù lượn – sinh thái) - Chợ đêm San Thàng - Đồi chè Tả Lèng - Bản Vàng Pheo (du lịch có trách nhiệm)	Sinh thái – cộng đồng – văn hóa – khám phá	- Mô hình du lịch gắn với văn hóa của các dân tộc thiểu số - Gắn sinh kế nông nghiệp với du lịch - Tắm lá thuốc Dao gắn với lễ hội truyền thống

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo của Tỉnh ủy Sơn La, năm 2024; Tỉnh ủy Lai Châu, năm 2021, 2024; Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên các năm 2021, 2022, 2023, 2024 và niên giám thống kê 2021, 2022, 2023, 204 của Cục Thống kê các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên.

Hoạt động du lịch văn hóa, lịch sử, sinh thái ngày càng phát triển về quy mô và chất lượng. Ứng dụng công nghệ số: VR, QR Code, bản đồ số; các điểm sáng về hệ thống bản du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc (Mông, Thái, Khơ Mú, Dao...), phát triển sản phẩm du lịch đa dạng: Trải nghiệm văn hóa cộng đồng, sinh thái, nông nghiệp, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, du lịch thông minh; nhận diện du lịch theo hướng xanh, thông minh, có trách nhiệm, nhiều hộ gia đình phát triển du lịch vươn lên làm giàu.

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại như: Sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chưa hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh hoàn

chỉnh, công nghệ số thiếu đồng bộ; chưa khai thác sâu bản sắc văn hóa dân tộc; Hạ tầng (giao thông kết nối liên vùng hạn chế khó tiếp cận các điểm du lịch vùng sâu; lưu trú, cơ sở vật chất tại các điểm du lịch...chưa đáp ứng yêu cầu phát triển); Nhân lực làm du lịch hạn chế về ngoại ngữ, am hiểu lịch sử, văn hóa dân tộc; Liên kết vùng, liên kết ngành thiếu chặt chẽ, thiếu điều phối du lịch chuyên nghiệp; Ứng dụng công nghệ thông tin còn có bất cập; Công tác quy hoạch bảo vệ môi trường chưa đồng bộ, rác thải sinh hoạt chưa được xử lý triệt để; chưa có sự gắn kết chặt chẽ 4 nhà: doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nước, người dân.

4.3.2. Thực trạng kinh tế hộ gia đình của đồng bào dân tộc thiểu số

Bảng 4: Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu giai đoạn 2021–2024

Đơn vị tính: %

TT	Năm	Sơn La		Điện Biên		Lai Châu		Ghi chú
		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	2021	22,1	10,9	36,7	12,3	35,9	11,4	
2	2022	18,5	10,2	31,9	11,3	30,4	10,5	
3	2023	15,0	9,4	27,1	10,3	25,9	9,6	
4	2024	12,4	8,6	23,1	9,4	22,0	8,8	

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo của tỉnh ủy, ủy ban nhân dân và báo cáo giảm nghèo của các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu và Niên giám thống kê của các tỉnh giai đoạn 2021–2024

Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo tuy có chiều hướng giảm (tỉnh Sơn La năm 2021 tỷ lệ hộ nghèo là 22,1%, hộ cận nghèo chiếm 10,9% đến năm 2024 giảm xuống còn là 12,4% hộ nghèo và 8,6% hộ cận nghèo; tỉnh Điện Biên năm 2021 có tỷ lệ hộ nghèo là 36,7% và 12,3% hộ cận nghèo, năm 2024 giảm còn 23,1% hộ nghèo và 9,4% hộ cận nghèo; tỉnh Lai Châu năm 2021 có tỷ lệ hộ nghèo là 35,9%, tỷ lệ hộ cận nghèo là 11,4%, năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 22,0%, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm còn 8,8%), nhưng so với trung bình của cả nước vẫn còn khá cao, nhiệm vụ đặt ra là cần phát triển KTHGD theo hướng xanh, đáp ứng yêu cầu phát triển từng bước thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Có thể thấy, phát triển KTHGD theo hướng kinh tế xanh tại các tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu đã cho thấy những kết quả tích cực bước đầu: du lịch xanh, thông minh và du lịch có trách nhiệm ngày càng phát triển; sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh và bảo vệ tài nguyên rừng và đa dạng hóa sinh kế có bước tiến vượt bậc. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi vẫn còn nhiều hạn chế như quy mô sản xuất nhỏ lẻ, trình độ công nghệ thấp, liên kết chuỗi giá trị chưa chặt chẽ và thị trường tiêu thụ sản phẩm xanh còn hạn chế. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu cần có các giải pháp đồng bộ nhằm thúc đẩy phát triển KTHGD theo hướng xanh, bền vững và thân thiện môi trường trong giai đoạn tới.

4.4. Giải pháp phát triển kinh tế hộ gia đình của đồng bào dân tộc thiểu số theo hướng kinh tế xanh vùng Tây Bắc

4.4.1. Nhóm giải pháp về chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo hướng kinh tế xanh

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái từng địa phương; khuyến khích áp dụng mô hình nông nghiệp tuần hoàn, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân hữu cơ, thức ăn chăn nuôi hoặc năng lượng sinh học.

Hạn chế sử dụng hóa chất độc hại trong sản xuất; tăng cường ứng dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học và công nghệ tiết kiệm nước.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp xanh như hệ thống tưới tiết kiệm, công nghệ sinh học, giống cây

trồng thích ứng biến đổi khí hậu.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về sản phẩm đặc sản vùng Tây Bắc; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu sản phẩm xanh.

Khuyến khích hộ gia đình ứng dụng thương mại điện tử, nền tảng số để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

Hình thành các chuỗi liên kết giá trị giữa hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm xanh.

Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc trưng vùng Tây Bắc như chè Shan tuyết, macca, quế, dược liệu, mật ong và sản phẩm OCOP.

Mở rộng thị trường tiêu thụ thông qua hội chợ thương mại, xúc tiến đầu tư và kết nối với hệ thống siêu thị, sàn thương mại điện tử.

4.2.2. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất lâm nghiệp theo hướng bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu

Tây Bắc có diện tích rừng rất lớn, chỉ tính riêng 3 tỉnh (Điện Biên, Sơn La, Lai Châu) có khoảng trên 1 triệu ha rừng, cộng đồng DTTS sinh sống trong vùng lõi của nhiều cánh rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng trồng, đây là tiềm năng chưa được khai thác theo hướng “Bán tín chỉ carbon rừng”. Trong thời gian qua Việt Nam đang làm thí điểm để Ngân hàng Thế giới (WB) chi trả bán tín chỉ carbon rừng tại 6 tỉnh miền Trung. Người dân được thanh toán tiền từ việc bảo vệ rừng tự nhiên, rừng phòng hộ và trồng rừng. Đây là một giải pháp hướng đến tạo sinh kế cho cộng đồng DTTS Tây Bắc, rất cần được Nhà nước quan tâm, có chính sách tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

Xây dựng các mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu nguy cơ sạt lở đất, lũ quét và suy thoái tài nguyên rừng, ưu tiên phát triển cây dược liệu dưới tán rừng, cây ăn quả đặc sản, chè hữu cơ, chăn nuôi sinh thái và lâm nghiệp bền vững.

4.4.3. Nhóm giải pháp về phát triển du lịch xanh gắn với văn hóa dân tộc

Hoàn thiện quy hoạch phát triển du lịch theo hướng kết nối các địa phương, các di sản văn hóa, các di tích lịch sử, kết nối các điểm đến du lịch, kết nối các doanh nghiệp, kết nối cộng đồng làm du lịch hình thành chuỗi giá trị sản phẩm du lịch cho cả vùng Tây Bắc

Lập bản đồ du lịch số; hỗ trợ số hóa đồng bộ 100% di tích, bản du lịch cộng đồng; tổ chức liên kết xúc tiến du lịch vùng Tây Bắc, gắn tổ chức các ngày lễ lớn của đất nước với hoạt động du lịch, như lễ kỷ niệm Chiến thắng Điện Biên Phủ, Tết Độc lập địa bàn Mộc Châu, Sơn La và các lễ hội Hoa ban, hình thành chuỗi giá trị sản phẩm du lịch phục vụ du khách

Xây dựng “Bản đồ ẩm thực” vùng Tây Bắc trên cơ sở “Tích hợp Bản đồ ẩm thực từng dân tộc, từng địa phương”

Liên kết vùng, phát triển chuỗi du lịch xanh liên tỉnh Sơn La - Điện Biên - Lai Châu. Hỗ trợ người dân tiếp cận thị trường du lịch theo hướng số hóa, thông minh, trách nhiệm. Khuyến khích các hộ gia đình tham gia cung cấp dịch vụ homestay, ẩm thực truyền thống, sản phẩm thủ công và sản phẩm nông nghiệp sạch.

Tăng cường quảng bá hình ảnh vùng Tây Bắc như một không gian văn hóa - sinh thái đặc sắc của Việt Nam.

4.4.4. Nhóm giải pháp về hoàn thiện chính sách, phát triển nguồn nhân lực

Hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển KTHGD đồng bào DTTS theo hướng gắn với tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

Xây dựng chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng xanh, thuế và hỗ trợ kỹ thuật cho các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn.

Ban hành cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư liên kết với hộ gia đình DTTS trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm xanh.

Xây dựng cơ chế liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học trong chuyển giao công nghệ phù hợp với điều kiện vùng đồng bào DTTS.

Tổ chức các lớp đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật canh tác xanh, chăn nuôi an toàn sinh học, sản xuất hữu cơ, quản lý tài nguyên rừng và phát triển du lịch cộng đồng.

Nâng cao trình độ quản lý KTHGD, kỹ năng tiếp cận thị trường, chuyển đổi số và thương mại điện tử cho người dân.

5. Bàn luận

Phát triển KTHGD đồng bào DTTS hướng đến kinh tế xanh ở vùng Tây Bắc là một định hướng có ý nghĩa chiến lược trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện mục tiêu phát triển bền

vững, tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt kinh tế mà còn là giải pháp quan trọng nhằm bảo đảm an sinh xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên của vùng Tây Bắc.

Một trong những vấn đề đáng chú ý là việc chuyển đổi mô hình sản xuất từ canh tác truyền thống sang mô hình sản xuất xanh còn gặp nhiều khó khăn. Nhiều hộ gia đình chưa có đủ vốn đầu tư, trình độ kỹ thuật còn hạn chế và khả năng tiếp cận thị trường chưa cao. Bên cạnh đó, tập quán canh tác cũ như du canh, du cư, đốt nương làm rẫy vẫn tồn tại ở một số nơi, gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái. Điều này cho thấy quá trình phát triển kinh tế xanh không thể thực hiện trong thời gian ngắn mà cần có lộ trình phù hợp, gắn với nâng cao nhận thức và thay đổi tư duy sản xuất của người dân.

Phát triển kinh tế xanh không chỉ là trách nhiệm của người dân mà cần có sự hỗ trợ đồng bộ từ Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Nhà nước giữ vai trò định hướng chiến lược, hoàn thiện cơ chế chính sách và đầu tư hạ tầng. Doanh nghiệp đóng vai trò liên kết sản xuất, hỗ trợ công nghệ và tiêu thụ sản phẩm. Trong khi đó, người dân là chủ thể trực tiếp thực hiện quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh.

Có thể khẳng định rằng, phát triển KTHGD đồng bào DTTS hướng đến kinh tế xanh là hướng đi phù hợp với điều kiện thực tiễn vùng Tây Bắc hiện nay. Đây là giải pháp vừa bảo đảm phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân, vừa góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả bền vững cần triển khai đồng bộ các giải pháp về chính sách, khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, liên kết thị trường và nâng cao nhận thức cộng đồng. Chỉ khi kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và phát huy giá trị văn hóa bản địa thì vùng Tây Bắc mới có thể phát triển theo hướng xanh và bền vững trong dài hạn.

6. Kết luận

Phát triển KTHGD của đồng bào DTTS hướng đến kinh tế xanh vùng Tây Bắc là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao đời sống nhân dân, giảm nghèo bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái. Để thực hiện hiệu quả mục tiêu này cần triển khai đồng bộ các giải pháp về chính sách, nguồn nhân

lực, khoa học công nghệ, chuyển đổi mô hình sản xuất, phát triển thị trường và bảo vệ môi trường. Đồng thời, cần phát huy vai trò chủ thể của người dân, kết hợp hài hòa giữa tri thức bản địa với tiến bộ khoa học kỹ thuật để xây dựng nền kinh tế xanh và bền vững cho vùng Tây Bắc trong giai đoạn mới.

Tài liệu tham khảo

- Cục Thống kê tỉnh Điện Biên. (2022). *Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Điện Biên. (2023). *Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2023*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Điện Biên. (2024). *Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2024*. Nhà xuất bản Thống kê. Truy cập ngày 01 tháng 3 năm 2026 từ <https://thongkedienbien.nso.gov.vn/an-pham-thong-ke/nien-giam-thong-ke-tinh-dien-bien-nam-2024-574.html>
- Cục Thống kê tỉnh Lai Châu. (2022). *Niên giám thống kê tỉnh Lai Châu năm 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Lai Châu. (2023). *Niên giám thống kê tỉnh Lai Châu năm 2023*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Lai Châu. (2024). *Niên giám thống kê tỉnh Lai Châu năm 2024*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Sơn La. (2022). *Niên giám thống kê tỉnh Sơn La năm 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Sơn La. (2023). *Niên giám thống kê tỉnh Sơn La năm 2023*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Sơn La. (2024). *Niên giám thống kê tỉnh Sơn La năm 2024*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Department for International Development. (1999). *Sustainable livelihoods guidance sheets*. Department for International Development. Truy cập ngày 01 tháng 3 năm 2026 từ <https://www.livelihoodscentre.org/documents/114097690/114438878/Sustainable%2Blivelihoods%2Bguidance%2Bsheets.pdf/594e5ea6-99a9-2a4e-f288-cbb4ae4bea8b>
- Ellis, F. (2000). *Rural livelihoods and diversity in developing countries*. Oxford University Press.
- Food and Agriculture Organization of the United Nations. (2020). *Sustainable agriculture and rural development*. FAO.
- Lan, N. T. (2021). Phát triển sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 3, 67–75.
- Quốc hội. (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Thang, N. V. (2018). *Phát triển kinh tế hộ gia đình vùng Tây Bắc*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Truy cập ngày 01 tháng 3 năm 2026 từ <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=204226&pageid=27160>
- Tỉnh ủy Lai Châu. (2021). *Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 17 tháng 02 năm 2021 về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gần gũi phát triển du lịch giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030*.
- Tỉnh ủy Lai Châu. (2022). *Báo cáo số 182-BC/TU ngày 08 tháng 4 năm 2022 tổng kết Đề án “Phát triển du lịch tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016–2020”*.
- Tỉnh ủy Lai Châu. (2023). *Báo cáo số 464-BC/TU ngày 20 tháng 12 năm 2023 so kết thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển vùng biên giới giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030*.
- Tỉnh ủy Lai Châu. (2024). *Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 19 tháng 5 năm 2024 về phát triển Sam Lai Châu giai đoạn 2024–2030, định hướng đến năm 2035*.
- Tỉnh ủy Sơn La. (2021). *Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Tỉnh ủy Sơn La. (2024a). *Báo cáo số 686-BC/TU ngày 04 tháng 9 năm 2024 so kết 03 năm thực*

- hien Nghi quyết số 08-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Tỉnh ủy Sơn La. (2024b). *Báo cáo số 701-BC/TU ngày 10 tháng 10 năm 2024 số kết 03 nam thực hiện Kết luận số 94-KL/TU ngày 23 tháng 01 năm 2021 về phát triển du lịch tỉnh Sơn La đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Tổng cục Thống kê. (2023). *Niên giám thống kê Việt Nam 2023*. Nhà xuất bản Thống kê.
- United Nations Environment Programme. (2011). *Towards a green economy: Pathways to sustainable development and poverty eradication*. UNEP. Truy cập ngày 01 tháng 3 năm 2026 tu <https://www.unep.org/resources/report/toward-s-green-economy-pathways-sustainable-development-and-poverty-eradication-10>
- Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên. (2021). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2021*.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên. (2022). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2022*.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên. (2023). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023*.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên. (2024). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024*.
- World Bank. (2016). *Transforming Vietnamese agriculture: Gaining more from less*. World Bank. Truy cập ngày 01 tháng 3 năm 2026 tu <https://openknowledge.worldbank.org/entities/publication/d602ec83-a4b6-5792-a7a6-78ad9a21a960>
- World Bank. (2019). *Vietnam: Ethnic minorities and poverty reduction*. World Bank

PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ THEO HƯỚNG KINH TẾ XANH Ở VÙNG TÂY BẮC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Văn Dũng¹

Trần Thị Thùy² Nguyễn Ngọc Minh³

^{1, 2}Trường Đại học Thành Đô; ³Học viên cao học Trường Đại học Ngoại thương

Email: nguyenvandung2308@gmail.com¹; ttthuy@thanhdouni.edu.vn²;

nguyenngocminh2607@gmail.com³

Ngày nhận bài: 19/5/2026; Ngày phản biện: 25/5/2026; Ngày tác giả sửa: 01/6/2026;

Ngày duyệt đăng: 25/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i2.374>

Tóm tắt: Phát triển kinh tế hộ gia đình của đồng bào dân tộc thiểu số hướng đến kinh tế xanh là yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và bảo vệ môi trường ở vùng Tây Bắc. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh tài liệu và tiếp cận liên ngành để làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng kinh tế xanh tại ba tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều mô hình kinh tế xanh đã bước đầu phát huy hiệu quả, tiêu biểu như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng, giao khoán bảo vệ rừng gắn với sinh kế, du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc. Các mô hình này góp phần đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng môi trường. Tuy nhiên, quá trình phát triển vẫn gặp nhiều khó khăn như quy mô sản xuất nhỏ lẻ, năng lực quản lý hạn chế, thiếu vốn, thiếu liên kết chuỗi giá trị, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ và tiếp cận thị trường còn thấp. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp về chuyển đổi mô hình sản xuất xanh, phát triển lâm nghiệp bền vững, du lịch xanh, hoàn thiện chính sách hỗ trợ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng xanh, bền vững và thích ứng với yêu cầu phát triển mới.

Từ khóa: Đồng bào dân tộc thiểu số; Kinh tế hộ gia đình; Kinh tế xanh; Phát triển bền vững; Vùng Tây Bắc.